

Hậu Lộc, ngày 24 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212 và khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 357, Điều 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng 2024.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08/01/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T3 (P)

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T – Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Hoàng Q – Chuyên viên tố tụng – Phòng Quản lý khách hàng CN Miền B – Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1976.

Và chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981 (vợ)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 18/11/2016, giữa Ngân hàng TMCP T3 (P) và anh Nguyễn Quang T1, chị Nguyễn Thị T2 đã ký kết Hợp đồng cho vay số CN190/2016/HĐTD/PVBTH, số tiền vay là 500.000.000 đồng; thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay xây dựng nhà ở. Lãi suất trong hạn 7,99% trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân. Lãi suất cho vay các tháng tiếp theo = LS12 + Biên độ 3,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được.

Ngày 08/02/2018, anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị T2 đã ký kết với Ngân hàng TMCP T3 hợp đồng cho vay số CN44/2018/HĐTD/PVBTH số tiền vay: 200,000,000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 09/02/2018). Mục đích vay mua sắm tiêu dùng, lãi suất từ ngày 09/02/2018 đến ngày 07/02/2019 lãi suất bằng: 8.8%/năm. Từ ngày 08/02/2019, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn. Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm và phí khác theo quy định của Ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2017 anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P. Tính đến ngày thỏa thuận, tổng số tiền nợ gốc của hai Hợp đồng tín dụng là 313.134.000 đồng; Trong đó lãi trong hạn trên nợ gốc 41.042.029 đồng, lãi quá hạn trên nợ gốc là 17.701.124 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là **371.877.153** đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng), có bảng kê tính gốc, lãi kèm theo.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Chậm nhất là vào ngày 08/3/2025, anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị T2 phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 371.877.153 đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản tiền trên, anh T1 và chị T2 còn phải tiếp tục chịu nợ lãi phát sinh chậm trả trên nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng. Nếu anh T1 và chị T2 không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nợ khi đến hạn như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP T3 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CN190/2016/HĐBĐ-PVBTH ngày 18/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-CN190/2016/HĐBĐ-PVBTH ngày 08/02/2018 để thu hồi nợ theo quy định

pháp luật.

- Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị T2, phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 9.296.928,82đồng, trả lại số tiền tạm ứng án phí 9.547.000 đồng cho Ngân hàng TMCP T3 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003309 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện. Hậu Lộc;
- Chi cục THADS Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nghi